

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày: 14-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Xuân Vinh**

Bà **Đào Thị Kim Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Lý Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Danh Quốc T (tên gọi khác: Tuấn M), sinh năm 1981, tại Kiên Giang. Nơi đăng ký HKTT: Khu phố A, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp Dương T, xã Dương T, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Khmer; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo. Con ông Danh Đ, sinh năm 1961 (sống) và bà Châu Thị S, sinh năm 1964 (sống). Em ruột gồm có 06 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2000.

- Họ và tên vợ thứ nhất: Trương Tổ H, sinh năm 1984 (đã ly hôn)

- Họ và tên vợ thứ hai: Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1985

- Con ruột gồm có 05 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2018.

- Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 24/6/2020, bị cáo Danh Quốc T được tại ngoại để điều tra theo Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 55 ngày 23/6/2020 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn S (tên gọi khác: Ph) , sinh năm 1989, tại Kiên Giang.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp Phú H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn M, sinh năm 1951 (sống) và bà Hồ Thị H, sinh năm 1955 (sống). Anh, chị ruột gồm có 04 người, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1986.

- Họ và tên vợ: Huỳnh Thị Anh Th, sinh năm 2000; con ruột có 01 người, sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 13/5/2020, bị cáo Lê Văn S bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đến ngày 21/5/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang theo Lệnh tạm giam số 16 ngày 09/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Duy T, sinh ngày 21/02/1988, tại Long An.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Lương B, huyện Bến L, tỉnh Long A; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1965 (sống) và bà Lê Thị Bạch L, sinh năm 1966 (sống); em ruột có 01 người, sinh năm 2000.

- Họ và tên vợ thứ nhất: Lê Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1987 (đã ly hôn)

- Họ và tên vợ thứ hai: Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm: 1993

- Con ruột có 01 người, sinh năm 2007.

- Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 25/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Đến ngày 30/8/2010, được đặc xá tha tù trước thời hạn.

Ngày 24/7/2020, bị cáo Nguyễn Duy T bị bắt tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang theo Lệnh tạm giam số 19 ngày 20/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Danh Quốc T, sinh năm 1985, tại Kiên Giang

- Nơi đăng ký HKTT: Khu phố Ba H, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: Nam; dân tộc: Khmer; quốc tịch: Việt Nam;

tôn giáo: Phật giáo. Con ông Danh Đ, sinh năm 1961 (sống) và bà Châu Thị S, sinh năm 1964 (sống). Anh, em ruột gồm có 06 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Ngày 13/5/2020, bị cáo Danh Quốc T bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đến ngày 21/5/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang theo Lệnh tạm giam số 17 ngày 09/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Danh Quốc T và bị cáo Nguyễn Duy T.

Luật sư **Bùi Minh Vũ** - Công ty Luật Đông Bắc – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Lê Văn Sáng và bị cáo Danh Quốc Tài.

Luật sư **Phạm Xuân Thủy** - Công ty Luật Đông Bắc – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 13/5/2020, lực lượng Công an huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tiến hành kiểm tra hành chính chỗ ở của Danh Quốc T, Lê Văn S và Danh Quốc T tại tiệm cầm đồ “Thiên Lộc T” thuộc tổ 6, ấp Bãi V, xã Hàm N, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang phát hiện, thu giữ vật chứng, gồm:

- 21 (hai mươi một) viên đạn bằng kim loại màu vàng đồng dài 2,5cm;
- 01 (một) quả lựu đạn bằng kim loại cao 8cm;
- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 47,5cm;
- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 57,5cm;
- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 53,5cm;
- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 1,42m;
- 03 (ba) ống tuýp sắt có mũi nhọn dài 1,95m;
- 01 (một) cây kiếm bằng kim loại dài 1m (lưỡi kiếm dài 75cm và cán dài 25cm);

- 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật, màu nâu có chiều dài 1,18m và chiều ngang 10cm.

Qua khai nhận của Lê Văn S và Danh Quốc T, ngày 13/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn S tại địa chỉ như trên, thu giữ vật chứng, gồm: 01 (một) khẩu súng bằng kim loại màu đen có kích thước (20 x 14) cm, bên trong có lắp băng đạn kích thước (11,5 x 3,5 x 1,5) cm, trong băng đạn có 04 viên đạn, trong đó có 01 (một) viên dài 03cm, một đầu đạn có chữ và số “CCC 9W” và 03 (ba) viên đạn dài 03cm, một đầu đạn có ghi số “3883”, súng bị hoen rỉ không có số hiệu.

Trên cơ sở kết quả điều tra, ngày 09/6/2020 và 20/7/2020 Danh Quốc T và Nguyễn Duy T lần lượt đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với Lê Văn S và Danh Quốc T đã thực hiện hành vi phạm tội, như sau:

Cuối năm 2016, Danh Quốc T ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) dịch vụ bảo vệ Đức T có trụ sở tại số 20, đường Trần Quý C, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để mở chi nhánh tại ấp Suối Đ, xã Dương T, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang và T được Công ty phân công làm Trưởng văn phòng ban chỉ huy để điều hành công việc. Đến cuối tháng 3/2018, Nguyễn Duy T ký hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Đức T và được Công ty điều động làm việc tại chi nhánh Phú Q. Tại đây, T được T phân công bảo vệ cho dự án của Công ty cổ phần Lan Anh Phú Quốc tại tổ 4, ấp 4, xã Cửa C, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang.

Vào khoảng cuối tháng 4/2018, trong lúc đi tuần tra tại khu vực trên, T phát hiện 01 túi nylon cũ bị rách, bên trong có 01 khẩu súng và 05 viên đạn, trong đó có 02 viên đạn trong hộp tiếp đạn và 03 viên đạn ở ngoài, Tâm mang đi rửa và cho vào 01 túi nylon khác mang đi cách địa điểm trên khoảng 500m chôn giấu khoảng 04 ngày. Đến khoảng đầu tháng 5/2018, T đến gặp T tại nơi ở của T thuộc ấp Suối Đ, xã Dương T, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang và hỏi "có sử dụng súng không, T cho" thì T đồng ý nên T quay về nơi ở của T gần đó lấy 01 khẩu súng hiệu Colt M1911A1 (hay Colt 45) bên trong hộp tiếp đạn có 02 viên đạn, mang đến đưa cho T và hướng dẫn T cách sử dụng, T nhận rồi mang đi cất giấu trên đầu tủ lạnh. Khoảng 03 ngày sau, T lấy khẩu súng và 02 viên đạn đưa cho Lê Văn S cất giấu trên trần la phong của toilet. Sau đó, S đi mua 01 chai

chống sét hiệu “G7” về lau chùi rồi mang đi cất giấu trong bụi cỏ sau nhà. Khoảng vài ngày sau thì T đến gặp S tại nơi ở của T và kêu S đưa khẩu súng cho T để T lau chùi. S lấy khẩu súng cùng với chai chống sét hiệu “G7” đưa cho T, T tháo các bộ phận của súng ra lau chùi và lắp ráp lại thì S lấy hộp tiếp đạn gắn 02 viên đạn vào đưa cho T để T gắn vào thân súng rồi kéo bệ khóa nòng (lên đạn), nhưng do không biết Súng đã gắn đạn vào nên T bóp cò làm súng phát nổ, đầu đạn bắn vào tường (*dấu vết đạn không còn do T đã bán nhà và người mua đã sửa chữa nên không có bản ảnh*), sau đó T đưa khẩu súng lại cho S cất giấu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T và S cho T hay về việc đã làm súng phát nổ. Do thấy khẩu súng chỉ còn 01 viên đạn nên T lấy 03 viên đạn còn lại đến gặp và kêu S đưa khẩu súng cho T lắp thêm 03 viên vào, nhưng do viên đạn khác chủng loại, đầu viên đạn dài hơn không lắp vào hộp tiếp đạn được, T đem đi mài cho đầu viên đạn ngắn lại rồi lắp viên đạn vào khẩu súng đưa cho S cất giấu.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/5/2020, khi đang ở tiệm cầm đồ “Thiên Lộc T” tại tổ 6, ấp Bãi V, xã Hàm N, huyện Phú Q Danh Quốc T, Lê Văn S hay tin T (anh ruột của T) bị nhóm Võ Minh Ch ở Phú Q chém gây thương tích đang nhập viện tại Bệnh viện đa khoa huyện Phú Q nên T lấy 01 cây kiếm và thấy S từ trên gác đi xuống trên tay cầm khẩu súng, T kêu S đưa súng cho T để đi bắn trả thù thì Nguyễn Thị Hồng Nh (vợ của T) ngăn cản lại nên T lấy cây kiếm mang đi cất, còn S lấy khẩu súng giấu vào trong túi đựng vật dụng của T để dưới chân cầu thang, S nói cho T biết nơi cất giấu khẩu súng thì T đồng ý, rồi cả 03 người đi đến Bệnh viện đa khoa huyện Phú Q thăm T.

Đến ngày 10/5/2020, sau khi đi Bệnh viện về, T lấy khẩu súng từ trong túi đựng vật dụng của T ra tháo hộp tiếp đạn ra kiểm tra thấy có 04 viên đạn nên lắp lại rồi để khẩu súng xuống nền gạch và lấy túi đựng vật dụng trên để lên cho thuận tiện trong việc lấy ra sử dụng khi cần thiết.

Đối với 21 viên đạn của T và S tàng trữ trái phép: Khoảng cuối tháng 5/2018, khi Nguyễn Duy T bị kỷ luật cho nghỉ việc nên T cho T một số đồ vật dụng ở trong phòng trọ của T, trong quá trình dọn đồ, T phát hiện trong 01 túi nylon có 21 viên đạn nên T mang về đưa cho S cất giữ. Riêng đối với T khai nhận không rõ số viên đạn trên do đâu mà có.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Thu trong quá trình kiểm tra hành chính gồm có:

- + 21 (hai mươi một) viên đạn bằng kim loại màu vàng đồng dài 2,5cm;
- + 01 (một) quả lựu đạn bằng kim loại cao 8cm;
- + 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 47,5cm;
- + 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 57,5cm;
- + 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 53,5cm;
- + 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 1,42m;
- + 03 (ba) ống tuýp sắt có mũi nhọn dài 1,95m;
- + 01 (một) cây kiếm bằng kim loại dài 1m (lưỡi kiếm dài 75cm và cán dài 25cm);

- + 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật, màu nâu có chiều dài 1,18m và chiều ngang 10cm;

- *Khi tiến hành khám xét nơi ở của Lê Văn S thu giữ:*

01 (một) khẩu súng bằng kim loại màu đen có kích thước (20 x 14) cm, bên trong có lắp băng đạn kích thước (11,5 x 3,5 x 1,5) cm, trong băng đạn có 04 viên đạn, trong đó có 01 (một) viên dài 03cm, một đầu đạn có chữ và số “CCC 9W” và 03 (ba) viên đạn dài 03cm, một đầu đạn có ghi số “3883”, súng bị hoen rỉ không có số hiệu.

- * Tại bản Kết luận giám định số 2461/C09B ngày 19/5/2020 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Khẩu súng là vũ khí quân dụng, hiệu Colt M1911A1 (hay Colt 45), cỡ nòng 11,43mm, bắn đạn cỡ (11,43x23)mm.

- 25 (hai mươi lăm) viên đạn, trong đó có:

- + 21 (hai mươi một) viên đạn chưa bắn, cỡ (9x18)mm là vũ khí quân dụng.

- + 01 (một) viên đạn chưa bắn, cỡ (11,43x23)mm, số hiệu WCC 63 là vũ khí quân dụng.

- + 03 (ba) viên đạn có dấu vết kim hỏa, cỡ (7,62x25)mm, số hiệu 38 83 không phải là vũ khí quân dụng.

- Vị trí đóng số hiệu của khẩu súng nêu trên bị rỉ sét nặng, không xác định được số hiệu súng.

- * Tại bản Kết luận giám định số 2461/1/C09B ngày 15/5/2020 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Mẫu vật gửi giám

định là lựu đạn tập do Việt Nam sản xuất. Lựu đạn này thường sử dụng trong huấn luyện quân sự và không thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKSKG-P1 ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Danh Quốc T, Lê Văn S, Nguyễn Duy T, Danh Quốc T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và vai trò của từng bị cáo, xác định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh Quốc T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh Quốc T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng có liên quan vụ án, không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) quả lựu đạn tập do Việt Nam sản xuất, loại sử dụng trong huấn luyện quân sự, không thuộc nhóm vũ khí quân dụng (đã niêm phong).

+ 03 (ba) viên đạn có dấu vết kim hỏa, cỡ (7,62x25)mm, số hiệu 38 83 không phải là vũ khí quân dụng.

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 47,5cm.

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 57,5cm.

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 53,5cm.

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 1,42m.

+ 03 (ba) ống tuýp sắt có mũi nhọn dài 1,95m.

+ 01 (một) cây kiếm bằng kim loại dài 1m (lưỡi kiếm dài 75cm và cán dài 25cm).

+ 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật, màu nâu có chiều dài 1,18m và chiều ngang 10cm.

Về quan điểm bào chữa của luật sư: Luật sư Bùi Minh Vũ và luật sư Phạm Xuân Thủy thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo mức án nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị, cụ thể:

Luật sư Bùi Minh Vũ, bào chữa cho bị cáo Danh Quốc T và bị cáo Nguyễn Duy T, cho rằng:

Nguyên nhân phạm tội là do bị cáo T, về nhân thân bị cáo T có một tiền án nhưng đã được xóa án tích; bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, thật thà khai báo. Bị cáo T sau khi giao súng cho T, rồi về quê làm ăn sinh sống, không quan tâm đến khẩu súng thế nào. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án chỉ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án chỉ từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Luật sư Phạm Xuân Thủy, bào chữa cho bị cáo Lê Văn S và bị cáo Danh Quốc T cho rằng:

Bị cáo T trước đó chỉ nghe S và T cất giấu khẩu súng; chỉ biết từ sau khi T bị gây thương tích, tuy nhiên mức độ phạm tội thấp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt chỉ từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Đối với bị cáo S phạm tội thụ động, nên chịu hình phạt thấp hơn hành vi chủ động phạm tội. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, lao động chính, cha bị bệnh, còn mẹ thì mới qua đời. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tuyên mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, khoảng từ 18 tháng đến 02 năm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Danh Quốc T, Lê Văn S, Nguyễn Duy T, Danh Quốc T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều xin mức án nhẹ vì đã ăn năn hối cải và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Khoảng 15 giờ 30 ngày 13/5/2020, lực lượng Công an huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang tiến hành kiểm tra hành chính chỗ ở của Danh Quốc T, Lê Văn S và Danh Quốc T tại tiệm cầm đồ “Thiên Lộc T” thuộc tổ 6, ấp Bãi V, xã Hàm N, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang phát hiện, thu giữ vật chứng, gồm: 21 viên đạn. Qua khai nhận của S và T, ngày 13/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Quốc tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của S tại địa chỉ như trên, thu giữ vật chứng, gồm: 01 (một) khẩu súng bị hoen rỉ không có số hiệu, có lắp băng đạn, trong băng đạn có 04 viên đạn, trong đó có 01 (một) viên đạn có chữ và số “CCC 9W” và 03 (ba) viên đạn, một đầu đạn có ghi số “3883”.

Các bị cáo T, S và T khai, khẩu súng do T nhặt được bên trong có 02 viên đạn và 03 viên đạn ở ngoài, T giao lại cho T cất giấu và hướng dẫn T cách sử dụng, T nhận rồi mang đi cất giấu. Khoảng 03 ngày sau, T lấy khẩu súng và 02 viên đạn đưa cho S cất giấu trên trần la phong của toilet. Sau đó, Sáng đi mua 01 chai chống sét hiệu “G7” về lau chùi rồi mang đi cất giấu trong bụi cỏ sau nhà. Khoảng vài ngày sau thì T đến gặp S tại nơi ở của T và kêu S đưa khẩu súng cho T để Tâm lau chùi. Bị cáo T tháo các bộ phận của súng ra lau chùi và lắp ráp lại thì S lấy hộp tiếp đạn gắn 02 viên đạn vào đưa cho T gắn vào thân súng rồi kéo bệ khóa nòng (lên đạn), nhưng do không biết Sáng đã gắn đạn vào nên Tâm bóp cò làm súng phát nổ, đầu đạn bắn vào tường (*dấu vết đạn không*

còn do T đã bán nhà và người mua đã sửa chữa). Sau đó T đưa khẩu súng lại cho S cất giấu.

Ngày 09/5/2020, T, S hay tin T bị nhóm Võ Minh Ch chém gây thương tích đang nhập viện tại Bệnh viện đa khoa huyện Phú Quốc nên T lấy 01 cây kiếm và thấy S từ trên gác đi xuống trên tay cầm khẩu súng, T kêu S đưa súng cho T để đi bắn trả thù thì Nguyễn Thị Hồng N (vợ của T) ngăn cản lại nên S lấy khẩu súng giấu vào trong túi đựng vật dụng của T để dưới chân cầu thang, Sáng nói cho T biết nơi cất giấu khẩu súng thì T đồng ý. Đến ngày 10/5/2020, sau khi đi Bệnh viện về, T lấy khẩu súng từ trong túi đựng vật dụng của T ra tháo hộp tiếp đạn ra kiểm tra thấy có 04 viên đạn nên lắp lại rồi để khẩu súng xuống nền gạch và lấy túi đựng vật dụng trên để lên cho thuận tiện trong việc lấy ra sử dụng khi cần thiết.

Đối với 21 viên đạn: Khoảng cuối tháng 5/2018, khi T bị kỷ luật cho nghỉ việc nên T cho T một số đồ vật dụng ở trong phòng trọ của T, trong quá trình dọn đồ, T phát hiện trong 01 túi nylon có 21 viên đạn nên T mang về đưa cho S cất giữ. Riêng đối với T khai nhận không rõ số viên đạn trên do đâu mà có.

Tại bản Kết luận giám định số 2461/C09B ngày 19/5/2020 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Khẩu súng hiệu Colt M1911A1 (hay Colt 45) là vũ khí quân dụng;
- 21 viên đạn chưa bắn, cỡ 9x18mm là vũ khí quân dụng; 01 viên đạn chưa bắn cỡ 11,43x23mm, số hiệu WCC 63 là vũ khí quân dụng.

Tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố và luận tội các bị cáo Danh Quốc T, Lê Văn S, Nguyễn Duy T và Danh Quốc T phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước. Vũ khí quân dụng mang tính sát thương cao chỉ được sử dụng trong đảm bảo an ninh quốc phòng và các lĩnh vực khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Cá nhân

không được phép sở hữu vũ khí; hành vi tàng trữ vũ khí bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 5 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Các bị cáo cố ý mang súng và các viên đạn truyền tay nhau từ người này đến người khác cất giấu; việc làm của các bị cáo là hết sức nguy hiểm, bất cứ lúc nào bất cẩn cũng có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe người khác. Cụ thể, khi bị cáo Sáng đưa khẩu súng cho bị cáo T lau chùi, trong quá trình thao tác, do bất cẩn của 02 bị cáo làm súng phát nổ, rất may là đầu đạn bắn vào tường. Và ngày 09/5/2020, bị cáo T kêu bị cáo S đưa súng cho T để đi bắn trả thù cho bị cáo T, nếu không có chị Nh(vợ của T) ngăn cản thì hậu quả rất nghiêm trọng có thể xảy ra. Đến ngày 10/5/2020, bị cáo T lấy khẩu súng, trong hộp tiếp đạn có viên đạn để xuống nền gạch và lấy túi đựng vật dụng để lên cho thuận tiện trong việc lấy ra sử dụng khi cần thiết.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí quan dụng” là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả xảy ra nhưng vì mục đích cá nhân các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, với ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo các bị cáo, nhằm nâng cao tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét tính chất vai trò phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo T, bị cáo T và bị cáo S là người có mức độ phạm tội cao hơn bị cáo T; bị cáo T là người trực tiếp nhặt được khẩu súng và 02 viên đạn mang cất giấu; sau đó đưa cho T và hướng dẫn cho T cách sử dụng. T đưa qua S cất giấu nhiều nơi. Riêng bị cáo T và bị cáo S còn cất giấu 21 viên đạn. Còn bị cáo T là đồng phạm giúp bị cáo T, S cất giấu khẩu súng, trong súng có 01 viên đạn. Nên mức án của bị cáo T phải thấp hơn so với bị cáo T, T và S, thể hiện sự công bằng của pháp luật.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4 xác nhận từ tháng 01/2016 đến tháng 06/2018 bị cáo Tuấn cộng tác với các trình sát Ban phòng chống tội phạm ma túy, cung cấp nhiều thông tin có giá trị bắt giữ, khởi tố một vụ án hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma

túy, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T và T đầu thú, khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T, đã bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, thuộc nhân thân xấu. Ngoài ra, bị cáo T và bị cáo T là dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật bị hạn chế nên Hội đồng xét xử cân nhắc tình tiết này khi lượng hình phạt đối với hai bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T và bị cáo S phạm tội hai lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Tâm và bị cáo Tài không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát: Về tình tiết định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án cho các bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét xử nhẹ hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T và T.

[6] Về quan điểm bào chữa của luật sư: Luật sư Phạm Xuân Thủy bào chữa cho bị cáo S, bị cáo T và luật sư Bùi Minh Vũ bào chữa cho bị cáo T, bị cáo T, thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị là có một phần căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang cất giữ, bảo quản các vũ khí quân dụng theo Quyết định về việc thu hồi vũ khí trang bị số 1718 ngày 01/9/2020 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy các vật chứng có liên quan vụ án, không còn giá trị sử dụng.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Danh Quốc T, Lê Văn S, Nguyễn Duy T, Danh Quốc T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh Quốc T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 02 (Hai) năm tù; thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/5/2020.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 02 (Hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 24/7/2020.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh Quốc T 01 (Một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/5/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu 01 khẩu súng hiệu Colt M1911A1 (hay Colt 45), cỡ nòng 11,43mm, bắn đạn cỡ (11,43x23)mm; 21 (hai mươi một) viên đạn chưa bắn, cỡ (9x18)mm; 01 (một) viên đạn chưa bắn, cỡ (11,43x23)mm, số hiệu WCC 63.

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang cất giữ, bảo quản các vũ khí quân dụng theo Quyết định về việc thu hồi vũ khí trang bị số 1718 ngày 01/9/2020 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng có liên quan vụ án, không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) quả lựu đạn tập do Việt Nam sản xuất, loại sử dụng trong huấn luyện quân sự, không thuộc nhóm vũ khí quân dụng (đã niêm phong); 03 (ba) viên đạn có dấu vết kim hỏa, cỡ (7,62x25)mm, số hiệu 38 83 không phải là

vũ khí quân dụng; 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 47,5cm; 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 57,5cm; 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 53,5cm; 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 1,42m; 03 (ba) ống tuýp sắt có mũi nhọn dài 1,95m; 01 (một) cây kiếm bằng kim loại dài 1m (lưỡi kiếm dài 75cm và cán dài 25cm); 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật, màu nâu có chiều dài 1,18m và chiều ngang 10cm.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Danh Quốc T, Lê Văn S, Nguyễn Duy T, Danh Quốc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (1);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng

